

KẾT QUẢ

Kỳ thi: Kỳ thi Học sinh giỏi THCS năm học 2016 - 2017 - Cấp quận Năm học 2016-2017

(Các môn: Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, Tin học)

STT	SBD	PH	Môn thi	Họ và lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
1	S0054	3	Lịch sử	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	18/11/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	15.50	ĐT
2	S0048	2	Lịch sử	Tổng Thị Thuý	Oanh	21/3/2002	Quảng Ngãi	Nữ	9A3	Trần Quốc Toàn	14.25	ĐT
3	S0073	3	Lịch sử	Đặng Hoàng Phương	Uyên	15/6/2002	Nam Định	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	13.25	ĐT
4	S0012	1	Lịch sử	Trương Lê Hồng	Diễm	11/12/2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	13.00	ĐT
5	S0058	3	Lịch sử	Phạm Đình	Thịnh	12/3/2002	TP.HCM	Nam	9A3	Hoa Lư	13.00	ĐT
6	S0069	3	Lịch sử	Nguyễn Trần Huyền	Trần	11/4/2002	Đồng Tháp	Nữ	9A3	Trần Quốc Toàn	13.00	ĐT
7	S0072	3	Lịch sử	Đoàn Gia Cát	Tường	13/7/2002	TP.HCM	Nữ	9A7	Tăng Nhơn Phú	12.75	ĐT
8	S0021	1	Lịch sử	Đoàn Thị Thanh	Hiếu	3/4/2002		Nữ	9A3	Long Trường	12.50	ĐT
9	S0033	2	Lịch sử	Phạm Sáng Thanh	Linh	18/3/2002	TP.HCM	Nam	9A2	Hoa Lư	12.00	ĐT
10	S0010	1	Lịch sử	Phạm Nguyễn Ngọc	Châu	16/7/2001	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	11.50	ĐT
11	S0035	2	Lịch sử	Phạm Thành	Long	21/9/2002	TPHCM	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	11.50	ĐT
12	S0038	2	Lịch sử	Nguyễn Thanh	Mai	6/1/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	11.50	ĐT
13	S0070	3	Lịch sử	Nguyễn Ngọc	Trình	16/3/2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	11.50	ĐT
14	S0043	2	Lịch sử	Châu Trần Bảo	Ngọc	13/6/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	11.25	ĐT
15	S0002	1	Lịch sử	Nguyễn Minh	Anh	20/9/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	11.00	ĐT
16	S0055	3	Lịch sử	Đặng Nhựt	Tài	21/6/2002	TP.HCM	Nam	9A1	Tăng Nhơn Phú	10.75	
17	S0063	3	Lịch sử	Đỗ Trọng	Tinh	19/9/2002	TP.HCM	Nam	9A1	Hoa Lư	10.75	
18	S0047	2	Lịch sử	Trần Thị Hồng	Nhung	15/2/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	9.75	
19	S0051	2	Lịch sử	Lê Hải	Phương	25/12/2002	TPHCM	Nữ	9A3	Trần Quốc Toàn	9.50	
20	S0042	2	Lịch sử	Nguyễn Thị	Nga	5/6/2002		Nữ	9A1	Long Trường	9.00	
21	S0062	3	Lịch sử	Lương Thị Anh	Thương	6/1/2002	TPHCM	Nữ	9A	Đặng Tấn Tài	9.00	
22	S0016	1	Lịch sử	Đào Trang	Đài	19/5/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Hoa Lư	8.75	
23	S0077	3	Lịch sử	Trương Tinh	Vũ	25/3/2002	Bình Thuận	Nữ	9A1	Trần Quốc Toàn	8.75	
24	S0018	1	Lịch sử	Tô Hà	Giang	12/11/2002	TP.HCM	Nữ	9A2	Hoa Lư	8.50	
25	S0008	1	Lịch sử	Lê Thái	Bình	19/10/2002	TP.HCM	Nam	9/2	Hoa Lư	8.00	
26	S0026	1	Lịch sử	Lý Thế	Khoa	4/9/2002	TP.HCM	Nam	9/2	Hoa Lư	8.00	
27	S0036	2	Lịch sử	Nguyễn Hoàng Thắng	Lợi	4/5/2002	TP.HCM	Nam	9A2	Tăng Nhơn Phú	7.75	
28	S0034	2	Lịch sử	Trần Nhật	Linh	24/9/2002	Hà Nam	Nữ	9A2	Tân Phú	7.50	
29	S0003	1	Lịch sử	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	11/9/2002	TP.HCM	Nữ	9A2	Hoa Lư	7.25	
30	S0004	1	Lịch sử	Phạm Thị Minh	Anh	10/3/2002	TPHCM	Nữ	9A10	Trần Quốc Toàn	7.25	
31	S0011	1	Lịch sử	Nguyễn Thị Thuý	Diễm	26/8/2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	7.25	
32	S0023	1	Lịch sử	Phạm Lê	Huy	23/5/2002	Nha Trang	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	7.25	
33	S0044	2	Lịch sử	Phạm Thị Kim	Ngọc	17/2/2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	7.25	
34	S0005	1	Lịch sử	Tô Nguyễn Phương	Anh	10/6/2002	TPHCM	Nữ	9A3	Trần Quốc Toàn	7.00	
35	S0017	1	Lịch sử	Nguyễn Lư Tấn	Giang	20/11/2002	TP HCM	Nam	9A1	Long Phước	7.00	
36	S0040	2	Lịch sử	Đoàn Lê Thảo	Minh	8/10/2002	TPHCM	Nữ	9A6	Trần Quốc Toàn	7.00	
37	S0045	2	Lịch sử	Phan Mỹ	Ngọc	25/2/2002	TP.HCM	Nữ	9A2	Hoa Lư	7.00	
38	S0001	1	Lịch sử	Nguyễn Huỳnh Kim	Anh	16/11/2002	TPHCM	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	6.75	
39	S0064	3	Lịch sử	Lê Thị Thu	Trang	11/6/2002	TP HCM	Nữ	9A1	Long Phước	6.50	
40	S0024	1	Lịch sử	Trần Anh	Huy	12/10/2002	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	6.25	
41	S0025	1	Lịch sử	Ngô Thị Minh	Hương	24/3/2002	TPHCM	Nữ	9A1	Trần Quốc Toàn	6.25	
42	S0030	2	Lịch sử	Nguyễn Tú	Lâm	1/1/2002	TPHCM	Nam	9A2	Trần Quốc Toàn	6.25	
43	S0057	3	Lịch sử	Phạm Kiên	Thành	22/8/2002	TP.HCM	Nam	9A2	Tăng Nhơn Phú	6.25	
44	S0050	2	Lịch sử	Lê Ánh	Phương	12/2/2002	THANH	Nữ	9A1	Hưng Bình	6.00	
45	S0060	3	Lịch sử	Nguyễn Lê Anh	Thư	21/2/2002	TPHCM	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	5.50	
46	S0046	2	Lịch sử	Hồ Lê Yến	Nhi	28/11/2002		Nữ	9A1	Long Trường	5.00	
47	S0007	1	Lịch sử	Nguyễn Thị Minh	Ánh	29/8/2002	TPHCM	Nữ	9A8	Trần Quốc Toàn	4.75	
48	S0027	2	Lịch sử	Trịnh Đăng	Khoa	17/7/2002	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	4.75	
49	S0032	2	Lịch sử	Nguyễn Yên	Linh	22/2/2002	TP.HCM	Nữ	9/5	Hoa Lư	4.50	
50	S0056	3	Lịch sử	Trần Nguyễn Hà	Thanh	27/3/2002	TPHCM	Nữ	9A	Đặng Tấn Tài	4.50	
51	S0059	3	Lịch sử	Nguyễn Tiến	Thuận	14/8/2002	TP.HCM	Nam	9.2	Phước Bình	4.50	
52	S0013	1	Lịch sử	Hoàng Nguyễn Thùy	Dung	1/10/2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	4.25	
53	S0022	1	Lịch sử	Nguyễn Đức	Huy	7/8/2002	Hà Nội	Nam	9A2	Tân Phú	4.25	
54	S0061	3	Lịch sử	Võ Ngọc Anh	Thư	8/12/2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	4.25	
55	S0068	3	Lịch sử	Hồ Ngọc Bảo	Trần	16/11/2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	4.25	
56	S0065	3	Lịch sử	Nguyễn Thị Thùy	Trang	21/9/2002	TPHCM	Nữ	9/3	Đặng Tấn Tài	4.00	
57	S0076	3	Lịch sử	Bùi Khánh	Việt	21/5/2002	TPHCM	Nam	9A3	Trần Quốc Toàn	4.00	
58	S0031	2	Lịch sử	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	7/5/2002	Thanh Hoá	Nữ	9A5	Long Bình	3.75	
59	S0041	2	Lịch sử	Nguyễn Nhã	Minh	23/8/2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	3.75	
60	S0009	1	Lịch sử	Nguyễn Thị Minh	Châu	10/3/2002	Bình Dương	Nữ	9A1	Trần Quốc Toàn	3.25	
61	S0020	1	Lịch sử	Lai Thị Thanh	Hiền	13/5/2002	TP.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	3.25	
62	S0037	2	Lịch sử	Nguyễn Hoàng Ngọc	Mai	26/11/2002	TP.HCM	Nữ	9/4	Hoa Lư	3.00	
63	S0052	2	Lịch sử	Nguyễn Hoàng Hồng	Phượng	14/3/2002	TP.HCM	Nữ	9/3	Hoa Lư	3.00	

STT	SBD	PH	Môn thi	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
64	S0028	2	Lịch sử	Nguyễn Mạnh	Kiên	24	5	2002	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	2.50	
65	S0075	3	Lịch sử	Nguyễn Thanh	Uyên	26	12	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	2.50	
66	S0015	1	Lịch sử	Trần Thủy	Duy	10	11	2002	Cà Mau	Nữ	9A5	Long Bình	2.25	
67	S0039	2	Lịch sử	Lê Nguyễn Trà	Mi	25	8	2002	TPHCM	Nữ	9A2	Trần Quốc Toàn	2.25	
68	S0067	3	Lịch sử	Phạm Ngọc	Trâm	28	10	2002	TP.HCM	Nữ	9.6	Phước Bình	2.00	
69	S0074	3	Lịch sử	Lâm Ngọc Xuân	Uyên	12	2	2002	TP.HCM	Nữ	9A3	Hoa Lư	2.00	
70	S0006	1	Lịch sử	Ngô Ngọc	Ánh	2	4	2002	Tây Ninh	Nữ	9.1	Phước Bình	1.75	
71	S0029	2	Lịch sử	Trần Thị Thúy	Kiều	19	4	2002	TP Hồ Chí	Nữ	9A3	Long Phước	1.75	
72	S0066	3	Lịch sử	Võ Thu	Trang	26	8	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	1.25	
73	S0014	1	Lịch sử	Nguyễn Nhật	Dũng	15	8	2002	Tp.HCM	Nam	9A5	Long Bình	1.00	
74	S0019	1	Lịch sử	Vũ Mai Minh	Hân	6	7	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	0.50	
75	S0053	3	Lịch sử	Trương Võ Minh	Quân	26	2	2002	TP.HCM	Nam	9.7	Phước Bình	0.25	
76	S0049	2	Lịch sử	Hồ Minh	Phát	5	12	2002	Vĩnh Long	Nam	9A5	Long Bình	0.00	
77	S0071	3	Lịch sử	Phạm Lý Ngọc	Tuyền	4	11	2002	TP.HCM	Nữ	9/5	Hoa Lư	Vắng	
78	Đ0035	5	Địa lí	Phan Tú	Lâm	20	2	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	12.00	ĐT
79	Đ0030	5	Địa lí	Lê Thị Ngọc	Hồng	15	9	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	11.00	ĐT
80	Đ0001	4	Địa lí	Trần Xuân	Ái	18	8	2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	10.50	ĐT
81	Đ0040	5	Địa lí	Bùi Kim Bảo	Ngọc	17	2	2002	TPHCM	Nữ	9A4	Trần Quốc Toàn	9.75	ĐT
82	Đ0005	4	Địa lí	Đỗ Quỳnh	Anh	3	2	2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	9.00	ĐT
83	Đ0074	6	Địa lí	Nguyễn Thụy Nhật	Vy	4	10	2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Hoa Lư	9.00	ĐT
84	Đ0056	6	Địa lí	Trần Phương	Thảo	28	2	2002	Kiên Giang	Nữ	9A5	Long Bình	8.50	ĐT
85	Đ0011	4	Địa lí	Nguyễn Minh	Bằng	29	8	2002	TPHCM	Nam	9/6	Đặng Tấn Tài	8.25	ĐT
86	Đ0006	4	Địa lí	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	26	2	2002	Tiên Giang	Nữ	9A1	Tân Phú	8.00	ĐT
87	Đ0027	4	Địa lí	Phạm Thảo	Hiền	7	8	2002	TP.HCM	Nữ	9/1	Hoa Lư	8.00	ĐT
88	Đ0028	5	Địa lí	Lê Thị Hiền	Hòa	6	11	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	8.00	ĐT
89	Đ0034	5	Địa lí	Đặng Tuấn	Kiệt	5	11	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	7.75	ĐT
90	Đ0003	4	Địa lí	Đào Ngọc Hoàng	Anh	19	8	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	7.50	ĐT
91	Đ0051	5	Địa lí	Huỳnh Ngọc	Tài	8	1	2002	TPHCM	Nam	9A1	Long Phước	7.25	ĐT
92	Đ0002	4	Địa lí	Phan Hoài	An	28	1	2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Hoa Lư	7.00	ĐT
93	Đ0038	5	Địa lí	Lê Thị Thanh	Ngân	30	10	2002	TP. HCM	Nữ	9A2	Tân Phú	7.00	ĐT
94	Đ0026	4	Địa lí	Nguyễn Thị Bích	Hiền	20	8	2002	Quảng Nam	Nữ	9A1	Long Phước	6.75	ĐT
95	Đ0046	5	Địa lí	Nguyễn Hoàng	Phúc	6	11	2002	Hậu Giang	Nam	9A2	Tân Phú	6.75	ĐT
96	Đ0025	4	Địa lí	Cao Trần Nhật	Hân	22	10	2002	TP.HCM	Nữ	9/1	Hoa Lư	6.50	ĐT
97	Đ0055	6	Địa lí	Trần Hoàng	Thanh	8	11	2002	TPHCM	Nam	9A1	Long Phước	6.50	ĐT
98	Đ0010	4	Địa lí	Phạm Cao Đại	Ân	2	1	2002	TPHCM	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	6.25	
99	Đ0041	5	Địa lí	Nguyễn Hoàng Minh	Ngọc	18	11	2002	Quảng Ngãi	Nữ	9/1	Hoa Lư	6.25	
100	Đ0054	5	Địa lí	Lê Nhã	Thanh	30	9	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	6.25	
101	Đ0059	6	Địa lí	Diệp Bảo	Thịnh	29	3	2003	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	6.25	
102	Đ0061	6	Địa lí	Ngô Minh	Thuận	26	11	2002	TPHCM	Nam	9A8	Trần Quốc Toàn	6.25	
103	Đ0063	6	Địa lí	Đinh Ngọc Minh	Thư	10	1	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	6.25	
104	Đ0004	4	Địa lí	Đào Vũ Ngọc	Anh	17	4	2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	6.00	
105	Đ0016	4	Địa lí	Nguyễn Quang	Diệu	6	6	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	6.00	
106	Đ0017	4	Địa lí	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	30	7	2002	TP.HCM	Nữ	9.7	Phước Bình	6.00	
107	Đ0021	4	Địa lí	Nguyễn Xuân	Đạt	11	5	2002	TP.HCM	Nam	9A1	Hoa Lư	6.00	
108	Đ0024	4	Địa lí	Nguyễn Thu	Hằng	7	4	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	6.00	
109	Đ0033	5	Địa lí	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	19	10	2002	Vĩnh Long	Nữ	9A1	Trần Quốc Toàn	6.00	
110	Đ0042	5	Địa lí	Lê Thị Thảo	Nguyễn	4	5	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	6.00	
111	Đ0048	5	Địa lí	Phạm Trúc	Phượng	12	11	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	6.00	
112	Đ0073	6	Địa lí	Châu Thảo	Vy	25	11	2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	6.00	
113	Đ0075	6	Địa lí	Trần Khánh Thiên	Vy	24	5	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	6.00	
114	Đ0036	5	Địa lí	Lê Trần Phương	Linh	7	12	2002	Tp.HCM	Nữ	9A5	Long Bình	5.75	
115	Đ0047	5	Địa lí	Nguyễn Lê Hoàng	Phước	23	6	2002	TP. HCM	Nam	9A1	Tân Phú	5.75	
116	Đ0077	6	Địa lí	Trương Kim	Vy	28	5	2002	TP.HCM	Nữ	9.7	Phước Bình	5.75	
117	Đ0044	5	Địa lí	Bùi Ngọc	Nhật	21	10	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	5.50	
118	Đ0045	5	Địa lí	Phạm Đức	Phát	22	4	2002	Tp.HCM	Nam	9A5	Long Bình	5.50	
119	Đ0065	6	Địa lí	Hoàng Thủy	Trang	14	10	2002	TP. HCM	Nữ	9A2	Tân Phú	5.50	
120	Đ0067	6	Địa lí	Phạm Minh Nhật	Trình	24	6	2002	TPHCM	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	5.50	
121	Đ0078	6	Địa lí	Võ Thị Như	Ý	15	5	2002	Bến Tre	Nữ	9A4	Trần Quốc Toàn	5.50	
122	Đ0020	4	Địa lí	Khuu Tấn	Đạt	12	9	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	5.25	
123	Đ0070	6	Địa lí	Trần Thị Thanh	Vân	10	7	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	5.25	
124	Đ0076	6	Địa lí	Triệu Thanh	Vy	8	2	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	5.25	
125	Đ0049	5	Địa lí	Cao Ngọc Phương	Quyên	29	5	2002	TPHCM	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	5.00	
126	Đ0023	4	Địa lí	Lê Hồng Mộng	Được	14	5	2002	Bến Tre	Nữ	9A4	Trần Quốc Toàn	4.75	
127	Đ0057	6	Địa lí	Ng. Đặng Quốc	Thắng	21	9	2002	TPHCM	Nam	9A1	Long Phước	4.75	
128	Đ0060	6	Địa lí	Phạm Phước	Thịnh	5	5	2002	TP.HCM	Nam	9/3	Hoa Lư	4.75	
129	Đ0069	6	Địa lí	Huỳnh Minh	Tuấn	2	8	2002	TP.HCM	Nam	9A1	Hoa Lư	4.75	
130	Đ0052	5	Địa lí	Nguyễn Phan Minh	Tâm	2	9	2002		Nam	9A2	Long Trường	4.50	
131	Đ0015	4	Địa lí	Nguyễn Mai	Chi	14	4	2002	THANH	Nữ	9A3	Trường Thạnh	4.25	
132	Đ0029	5	Địa lí	Nguyễn Thị	Hoài	25	10	2002	Thái Bình	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	4.25	

STT	SBD	PH	Môn thi	Họ và lót	Tên	Ngày sinh		Nơi sinh	Giới	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú			
133	Đ0062	6	Địa lí	Võ Thị Ngọc	Thúy	21	6	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	4.25			
134	Đ0018	4	Địa lí	Lâm Ngọc	Duy	15	7	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	4.00			
135	Đ0019	4	Địa lí	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	25	5	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	4.00			
136	Đ0032	5	Địa lí	Phạm Quốc	Huy	5	4	2002		Nam	9A1	Long Trường	4.00			
137	Đ0012	4	Địa lí	Nguyễn Thị Thu	Bích	30	7	2002		Nữ	9A1	Long Trường	3.75			
138	Đ0043	5	Địa lí	Trần Huỳnh Minh	Nguyệt	15	6	2002	TPHCM	Nữ	9/6	Đặng Tấn Tài	3.75			
139	Đ0068	6	Địa lí	Đào Khả	Tú	26	5	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	3.75			
140	Đ0079	6	Địa lí	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	4	7	2002	TP.HCM	Nữ	9A3	Trường Thành	3.75			
141	Đ0008	4	Địa lí	Viên Trần Mai	Anh	19	12	2002	TP.HCM	Nữ	9/2	Hoa Lư	3.50			
142	Đ0066	6	Địa lí	Nguyễn Huyền	Trang	15	5	2002	Bà Rịa-	Nữ	9.1	Phước Bình	3.50			
143	Đ0080	6	Địa lí	Trần Huỳnh Phi	Yến	24	8	2002		Nữ	9A2	Long Trường	3.50			
144	Đ0037	5	Địa lí	Nguyễn Hùng	Mạnh	27	4	2002	An Giang	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	3.25			
145	Đ0053	5	Địa lí	Đoàn Thị Thanh	Thanh	17	11	2002	TP.HCM	Nữ	9A5	Tăng Nhơn Phú	3.25			
146	Đ0014	4	Địa lí	Trần Thị Ngọc	Châu	24	9	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	3.00			
147	Đ0050	5	Địa lí	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	18	5	2002	TPHCM	Nữ	9A6	Hưng Bình	3.00			
148	Đ0071	6	Địa lí	Đỗ Phú	Vinh	1	1	2002	Trà Vinh	Nam	9A7	Tăng Nhơn Phú	3.00			
149	Đ0009	4	Địa lí	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22	9	2002	Hải Dương	Nữ	9A1	Long Phước	2.75			
150	Đ0007	4	Địa lí	Nguyễn Trương Lan	Anh	26	2	2002	TP.HCM	Nữ	9A7	Tăng Nhơn Phú	2.50			
151	Đ0031	5	Địa lí	Dương Xuân	Huy	16	9	2002	TP.HCM	Nam	9A7	Tăng Nhơn Phú	2.50			
152	Đ0039	5	Địa lí	Đoàn Văn	Nghi	8	1	2002	Phú Yên	Nam	9A7	Tăng Nhơn Phú	2.50			
153	Đ0013	4	Địa lí	Trịnh Vũ Hải	Bình	1	12	2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	2.25			
154	Đ0058	6	Địa lí	Lê Phước	Thiên	20	9	2002		Nam	9A3	Long Trường	2.25			
155	Đ0022	4	Địa lí	Nguyễn Ngô Ái	Đinh	4	1	2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Hoa Lư	2.00			
156	Đ0064	6	Địa lí	Đinh Trọng	Thức	8	11	2002		Nam	9A3	Long Trường	2.00			
157	Đ0072	6	Địa lí	Phan Hồ Thanh	Vũ	6	2	2002		Nam	9A3	Long Trường	2.00			
158	Cn0027	8	Công nghệ	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	10	5	2002	TPHCM	Nữ	9A9	Trần Quốc Toàn	8.00	9.00	26.00	ĐT
159	Cn0017	7	Công nghệ	Hoàng Đức	Nghĩa	25	5	2002	TPHCM	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	6.75	9.00	24.75	ĐT
160	Cn0005	7	Công nghệ	Trần Văn	Đạt	14	5	2002	Gia Lai	Nam	9A4	Tân Phú	6.25	9.00	24.25	ĐT
161	Cn0010	7	Công nghệ	Tô Bá Quốc	Khánh	2	9	2002	TP.HCM	Nam	9A1	Tăng Nhơn Phú	4.50	9.00	22.50	ĐT
162	Cn0028	8	Công nghệ	Trần Vũ Phương	Thùy	20	12	2002	TP.HCM	Nữ	9.5	Phước Bình	3.75	9.00	21.75	ĐT
163	Cn0016	7	Công nghệ	Hồ Thị Kim	Ngân	23	11	2002	Quảng Ngãi	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	5.50	8.00	21.50	ĐT
164	Cn0018	7	Công nghệ	Dương Thành	Nhân	13	8	2002	TP.HCM	Nam	9.7	Phước Bình	4.50	8.50	21.50	ĐT
165	Cn0008	7	Công nghệ	Nguyễn Lưu Quốc	Huy	1	5	2002	Quảng Ngãi	Nam	9/2	Hoa Lư	5.00	8.00	21.00	ĐT
166	Cn0026	8	Công nghệ	Trần Thị Kim	Thu	17	10	2002	TP.HCM	Nữ	9A1	Tăng Nhơn Phú	4.50	8.00	20.50	ĐT
167	Cn0023	8	Công nghệ	Võ Văn	Sâm	2	1	2002	TP.HCM	Nam	9A1	Tăng Nhơn Phú	5.00	7.50	20.00	ĐT
168	Cn0015	7	Công nghệ	Vũ Cao	Minh	11	3	2002	TP.HCM	Nam	9/6	Hoa Lư	4.75	7.50	19.75	ĐT
169	Cn0006	7	Công nghệ	Nguyễn Phạm Hải	Đặng	1	6	2002	TP.HCM	Nam	9A2	Hoa Lư	3.50	8.00	19.50	ĐT
170	Cn0014	7	Công nghệ	Trịnh Ngọc	Minh	21	5	2002	TPHCM	Nam	9A1	Trần Quốc Toàn	7.25	6.00	19.25	
171	Cn0030	8	Công nghệ	Nguyễn Trọng	Thứ	5	10	2002	TP.HCM	Nam	9A6	Tăng Nhơn Phú	5.25	7.00	19.25	
172	Cn0009	7	Công nghệ	Vũ Trường	Khang	16	10	2002	TP.HCM	Nam	9.4	Phước Bình	1.50	8.50	18.50	
173	Cn0019	8	Công nghệ	Trương Lê Duy	Nhân	18	4	2002	TP.HCM	Nam	9A2	Hoa Lư	3.75	7.00	17.75	
174	Cn0004	7	Công nghệ	Nguyễn Thanh	Duy	12	5	2002	TPHCM	Nam	9A9	Trần Quốc Toàn	7.00	5.00	17.00	
175	Cn0002	7	Công nghệ	Bùi Mạnh	Cường	28	2	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	2.25	7.00	16.25	
176	Cn0011	7	Công nghệ	Lê Nguyễn	Khôi	20	12	2002	Vũng Tàu	Nam	9A4	Tân Phú	4.00	5.00	14.00	
177	Cn0020	8	Công nghệ	Phạm Huỳnh	Nhi	20	11	2002	TP. HCM	Nữ	9A1	Tân Phú	3.25	5.00	13.25	
178	Cn0013	7	Công nghệ	Huỳnh Thị Tuyết	Minh	15	2	2002	Quảng Ngãi	Nữ	9A2	Tân Phú	2.75	5.00	12.75	
179	Cn0022	8	Công nghệ	Trịnh Thị Thảo	Phương	23	6	2002	Nam Định	Nữ	9A2	Tân Phú	4.50	4.00	12.50	
180	Cn0007	7	Công nghệ	Trần Minh	Hoàng	6	6	2002	Quảng Ngãi	Nam	9A6	Tăng Nhơn Phú	4.00	4.00	12.00	
181	Cn0021	8	Công nghệ	Ngô Công	Phong	13	8	2002	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	3.75	4.00	11.75	
182	Cn0003	7	Công nghệ	Lê Tiến	Dũng	2	8	2002	Ninh Bình	Nam	9A4	Tân Phú	1.50	5.00	11.50	
183	Cn0012	7	Công nghệ	Võ Tuấn	kiệt	4	11	2002	Khánh Hòa	Nam	9A4	Long Bình	3.00	4.00	11.00	
184	Cn0033	8	Công nghệ	Nguyễn Nguyệt Quế	Trần	11	12	2002	TP. HCM	Nữ	9A2	Tân Phú	2.25	4.00	10.25	
185	Cn0029	8	Công nghệ	Lê Hữu Thanh	Thùy	27	1	2002	HCM	Nữ	9A2	Long Bình	2.50	3.50	9.50	
186	Cn0036	8	Công nghệ	Hà Thị Thanh	Vân	16	4	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	2.25	3.50	9.25	
187	Cn0031	8	Công nghệ	Hồ Ngọc Quỳnh	Trang	2	11	2002	TP.HCM	Nữ	9.5	Phước Bình	1.00	4.00	9.00	
188	Cn0034	8	Công nghệ	Đồng Sang	Trọng	9	2	2002	bệnh viện	Nam	9A1	Long Bình	1.00	4.00	9.00	
189	Cn0024	8	Công nghệ	Trần Ngọc Thanh	Tâm	21	3	2002	TP. HCM	Nữ	9A1	Tân Phú	2.50	3.00	8.50	
190	Cn0025	8	Công nghệ	Nguyễn Xuân	Tân	7	10	2002	HÀ TỈNH	Nam	9A1	Long Bình	1.50	3.50	8.50	
191	Cn0032	8	Công nghệ	Trần Thị Thu	Trang	21	11	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	1.00	3.50	8.00	
192	Cn0035	8	Công nghệ	Lê Thị Thanh	Trúc	23	5	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Long Phước	1.00	3.50	8.00	
193	Cn0001	7	Công nghệ	Nguyễn Tuấn	Anh	4	2	2002	phường	Nam	9A1	Long Bình	1.50	3.00	7.50	
194	Ti0006	9	Tin học	Trương Hoàng	Khang	1	1	2002	TP.HCM	Nam	9.1	Phước Bình	4.40	ĐT		
195	Ti0011	9	Tin học	Phạm Hữu	Quốc	22	11	2002	TP.HCM	Nam	9.1	Phước Bình	3.00	ĐT		
196	Ti0008	9	Tin học	Nguyễn Bảo	Ngọc	12	8	2002	Đồng Tháp	Nữ	9/1	Hoa Lư	2.00	ĐT		
197	Ti0001	9	Tin học	Phạm Chí	Cường	5	10	2002	TP.HCM	Nam	9A3	Trường Thành	1.00	ĐT		
198	Ti0009	9	Tin học	Trần Trung	Nguyễn	13	8	2002	TP.HCM	Nam	9/1	Hoa Lư	1.00	ĐT		
199	Ti0010	9	Tin học	Nguyễn Quỳnh	Như	19	1	2002	TP.HCM	Nữ	9A2	Hoa Lư	1.00	ĐT		
200	Ti0012	9	Tin học	Nguyễn Đăng Tú	Quyên	14	7	2002	TPHCM	Nữ	9A1	Trần Quốc Toàn	1.00	ĐT		
201	Ti0014	9	Tin học	Huỳnh Nguyễn Chí	Tho	6	3	2002	TPHCM	Nam	9A9	Trần Quốc Toàn	1.00	ĐT		

STT	SBD	PH	Môn thi	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới	Lớp	Trường	Điểm	Ghi chú
202	Ti0015	9	Tin học	Nguyễn Đức	Thuần	4	8	2002	TPHCM	Nam	9A9	Trần Quốc Toàn	1.00	ĐT
203	Ti0017	9	Tin học	Nguyễn Văn	Tuấn	3	3	2002	TP. HCM	Nam	9A2	Tân Phú	1.00	ĐT
204	Ti0002	9	Tin học	Trương Quốc	Cường	22	8	2002	TP.HCM	Nam	9A3	Trường Thạnh	0.00	
205	Ti0003	9	Tin học	Hoàng Mạnh	Duy	21	9	2002	TP.HCM	Nam	9.1	Phước Bình	0.00	
206	Ti0004	9	Tin học	Huỳnh Nhật	Huy	19	2	2002	TP.HCM	Nam	9.2	Phước Bình	0.00	
207	Ti0005	9	Tin học	Nguyễn Tuấn	Hưng	23	5	2002	TP.HCM	Nam	9A3	Trường Thạnh	0.00	
208	Ti0007	9	Tin học	Nguyễn Nhật	Minh	14	3	2002	TP.HCM	Nam	9.1	Phước Bình	0.00	
209	Ti0013	9	Tin học	Nguyễn Lê Phương	Thảo	14	2	2002	TP.HCM	Nữ	9.2	Phước Bình	0.00	
210	Ti0016	9	Tin học	Nguyễn Văn	Tiến	3	4	2002	Phú Quốc	Nam	9A3	Trường Thạnh	0.00	
211	Ti0018	9	Tin học	Trần Ngọc Thúy	Vì	13	7	2002	TP.HCM	Nữ	9.1	Phước Bình	0.00	
212	Ti0019	9	Tin học	Lý Tông	Hòa	14	6	2002		Nam	9.1	Long Bình	0.00	
213	Ti0020	9	Tin học	Phạm Minh	Hoàng	7	11	2002		Nam	9.5	Long Bình	0.00	
214	Ti0021	9	Tin học	Nguyễn	Nam	11	10	2002		Nam	9.1	Long Bình	0.00	
215	Ti0022	9	Tin học	Nguyễn Hoàng	Quý	19	2	2002		Nam	9.1	Long Bình	0.00	

Danh sách này có 215 học sinh

Người nhập điểm: Vũ Đức Đoàn
Người kiểm tra 1: Nguyễn Văn Quý
Người kiểm tra 2: Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền